TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2026/DS-ST
Ngày: 27-02-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Thái Lãm.
2. Ông Phạm Tố Hữu.

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Cẩm Mỹ – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Trần Bảo Pháp – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2025/TLST-DS ngày 11/11/2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2026/QĐST-DS ngày 02/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Ngô Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố Đ, phường H, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bị đơn: bà Lê Thị T, sinh năm 1977 và ông Nguyễn Kim H, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: khu phố P, xã H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 27/10/2025, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày:

Vì chỗ quen biết bán thức ăn cho tôm hùm ở V với vợ chồng ông Nguyễn Kim H, bà Lê Thị T nên bà Ngô Thị N có cho vợ chồng ông H, bà T mượn số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) để làm ăn theo Giấy mượn tiền ghi ngày 12/9/2020 (âm lịch). Sau đó, vợ chồng ông Nguyễn Kim H, bà Lê Thị T làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả lại cho bà (Ngô Thị N), lúc đó dịch Covid-19 bùng phát nên bà N thông cảm cho vợ chồng ông H, bà T khi nào hết dịch làm ăn lại có tiền sẽ trả cho bà N sau. Nhưng khi hết dịch Covid-19, vợ chồng ông H, bà T không chịu làm ăn để có tiền trả lại cho bà N. Số tiền

1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) cho ông H, bà T mượn là của riêng bà N, đã thoả thuận về chế độ tài sản với ông Huỳnh Văn P trong thời kỳ hôn nhân và đã thoả thuận khi ly hôn với ông P.

Do đó, bà N yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Kim H, bà Lê Thị Tuyết T1 cho bà N số tiền nợ gốc 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả tính từ ngày khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Kim H, bà Lê Thị T đã được tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên không có lời trình bày.

Tòa án nhân dân khu vực 12 - tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu buộc vợ chồng ông Nguyễn Kim H, bà Lê Thị Tuyết C có trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả tính từ ngày khởi kiện (ngày 27/10/2025).

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - tỉnh Đắk Lắk Yên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Kim H, bà Lê Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng vợ chồng ông Nguyễn Kim H, bà Lê Thị Tuyết C chịu trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị N số tiền 1.300.000.000 đồng; chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi chậm trả của nguyên đơn với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày khởi kiện (27/10/2025). Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự; Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay; bị đơn hiện đăng ký thường trú tại thôn P, xã H, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp

đồng vay tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk.

[1.2] Bị đơn (ông Nguyễn Kim H, bà Lê Thị T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Kim H, bà Lê Thị Tuyết .

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn cung cấp bản chính Giấy mượn (vay) tiền ghi ngày 12/9/2020 (âm lịch), ở mục người vay có chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Kim H, Lê Thị T, nội dung thể hiện: *"Lê Thị T cùng chồng Nguyễn Kim H có mượn tiền tiền của vợ chồng bà Ngô Thị N, ông Huỳnh Văn P số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng)"*.

[2.2] Ông Huỳnh Văn P có đơn xác nhận: *"tôi (Huỳnh Văn P) và Ngô Thị N thỏa thuận về tài sản riêng, tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng)" theo giấy mượn tiền ghi ngày 12/9/2020 (âm lịch) là tài sản riêng của bà Ngô Thị N, được thỏa thuận khi ly hôn, không còn liên quan gì đến tôi (ông P)"*.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Kim H, bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết nên phải chịu hậu quả pháp lý theo luật định.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ, buộc vợ chồng ông H, bà T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày khởi kiện (ngày 27/10/2025) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/02/2026) với số tiền 43.333.333 đồng.

[3] Về án phí:

[3.1] Bị đơn ông H, bà T phải toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 52.300.000 đồng (36.000.000đ + (543.333.333đ x 3%)).

[5.2] Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 288, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị N về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn ông Nguyễn Kim H, bà Lê Thị T, vì có căn cứ.

1. Buộc ông Nguyễn Kim H, bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngô Thị N số tiền gốc 1.300.000.000đ *(Một tỷ ba trăm triệu đồng)*, và tiền lãi chậm trả tính từ ngày khởi kiện (ngày 27/10/2025) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/02/2026) với số tiền 43.333.333đ *(Bốn mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả xong số tiền nợ gốc 1.300.000.000đ *(Một tỷ ba trăm triệu đồng)* thì hằng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền nợ gốc chưa thi hành xong.

2. Về án phí:

2.1. Ông Nguyễn Kim H, bà Lê Thị T phải chịu 52.300.000đ *(Năm mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị N 26.147.000đ *(Hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng)* số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003914 ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 12-Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS KV12-Đắk Lắk ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Duyên